

QUỐC HỘI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 34/2021/QH15

NGHỊ QUYẾT**Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022****QUỐC HỘI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 46/BC-CP ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 246/BC-UBTCNS15 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 88/BC-UBTVQH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**

1. Tổng số thu ngân sách nhà nước là **1.411.700 tỷ đồng** (một triệu, bốn trăm mười một nghìn, bảy trăm tỷ đồng).

2. Tổng số chi ngân sách nhà nước là **1.784.600 tỷ đồng** (một triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm tỷ đồng).

3. Mức bội chi ngân sách nhà nước là **372.900 tỷ đồng** (ba trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm tỷ đồng), tương đương **4%** tổng sản phẩm trong nước (GDP), bao gồm:

Bội chi ngân sách trung ương là **347.900 tỷ đồng** (ba trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm tỷ đồng), tương đương **3,7%** GDP;

Bội chi ngân sách địa phương là **25.000 tỷ đồng** (hai mươi lăm nghìn tỷ đồng), tương đương **0,3%** GDP.

4. Tổng mức vay của ngân sách nhà nước là **572.686 tỷ đồng** (năm trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ đồng).

(Kèm theo các phụ lục số I, II, III và IV)

Điều 2. Bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

1. Bổ sung 40,322 tỷ đồng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 từ nguồn viện trợ nước ngoài không hoàn lại của Ngân hàng phát triển Châu Á để bổ sung 40,322 tỷ đồng dự toán chi thường xuyên năm 2021 từ nguồn viện trợ này cho ngân sách tỉnh Quảng Nam để thực hiện Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

2. Trường hợp đã sử dụng hết nguồn ngân sách địa phương, nguồn lực hợp pháp khác để chi phòng, chống dịch COVID-19 và cam kết bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương, cho phép các địa phương được sử dụng nguồn cải cách chính sách tiền lương còn dư để chi phòng, chống dịch COVID-19 trong năm 2021 và năm 2022.

3. Cho phép chuyển nguồn 16.000 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021 sang kế hoạch năm 2022 để phân bổ và giao kế hoạch đầu tư cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 6.000 tỷ đồng;

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 6.000 tỷ đồng;

c) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 4.000 tỷ đồng.

4. Chính phủ khẩn trương rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh cắt, giảm, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021 giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương điều chỉnh kế hoạch đầu tư công từ các dự án giải ngân chậm sang các dự án có khả năng giải ngân cao theo quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 67 của Luật Đầu tư công, thúc đẩy tiến độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Điều 3. Về thực hiện chính sách tiền lương

1. Lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội; ưu tiên điều chỉnh lương hưu cho người nghỉ hưu trước năm 1995.

2. Tiếp tục thực hiện quy định về tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương để tích lũy nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương vào thời điểm phù hợp.

Cho phép tiếp tục loại trừ một số khoản thu khi tính số tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán dành để cải cách chính sách tiền lương, bao gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

Điều 4. Giao Chính phủ

1. Điều hành chính sách tài khóa linh hoạt, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tiền tệ để phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh.

2. Sớm nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan để đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước, cơ bản khắc phục tình trạng lồng ghép trong quản lý ngân sách nhà nước, tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời nâng cao tính chủ động cho các địa phương; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật thuế và các quy định liên quan để mở rộng cơ sở thu, chống xói mòn nguồn thu, bao quát khu vực kinh tế phi chính thức, các hoạt động thương mại điện tử; áp dụng mức thuế suất hợp lý, khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai và phát triển kết cấu hạ tầng.

3. Tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững; tập trung chỉ đạo quyết liệt để thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế, tăng thu ngân sách nhà nước để bổ sung nguồn lực cho phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả để dành nguồn lực cho phòng, chống dịch COVID-19, phục hồi kinh tế và dự phòng cho các trường hợp bất khả kháng, khắc phục hậu quả thiên tai; cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm, hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công.

Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng còn lại của năm 2021; việc chuyển nguồn vốn đầu tư công năm 2021 sang năm 2022 phải tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; trường hợp bất khả kháng, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

5. Tiếp tục chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

7. Kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách địa phương và mức vay nợ của ngân sách địa phương. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ, nhất là đối với các hiệp định vay mới, vay nước ngoài, vay có bảo lãnh của Chính phủ. Chủ động thực hiện các giải pháp cơ cấu lại nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả khi mua lại, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính phủ; điều hành kinh phí chi trả chi phí phát hành, mua lại, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính phủ trong phạm vi dự toán chi trả nợ lãi của ngân sách trung ương năm 2022 được Quốc hội quyết định.

Điều 5. Giám sát và kiểm toán việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tiến hành kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2021.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

Phụ lục I
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022
A	B	I
A	TỔNG THU NSNN	1.411.700
1	Thu nội địa	1.176.700
2	Thu từ dầu thô	28.200
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	199.000
4	Thu viện trợ	7.800
B	TỔNG CHI NSNN	1.784.600
1	Chi đầu tư phát triển	526.106
2	Chi dự trữ quốc gia	1.700
3	Chi trả nợ lãi	103.700
4	Chi viện trợ	1.800
5	Chi thường xuyên	1.111.194
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100
7	Dự phòng NSNN	39.000
8	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế	1.000
C	BỘI CHI NSNN	372.900
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)	4%
1	Bội chi NSTW	347.900
2	Bội chi NSDP (1)	25.000
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	199.786
1	Chi trả nợ gốc NSTW	196.149
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	196.149
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư	
2	Chi trả nợ gốc NSDP	3.637
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	3.455
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư	182
Đ	TỔNG MỨC VAY CỦA NSNN	572.686
1	Vay để bù đắp bội chi (2)	373.082
2	Vay để trả nợ gốc	199.604

Ghi chú:

(1) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSDP.

(2) Gồm vay bù đắp bội chi của NSTW và vay bù đắp bội chi của các địa phương có bội chi NSDP

Phụ lục II
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM 2022
A	B	J
	<u>TỔNG THU NSNN</u>	1.411.700
I	Thu nội địa	1.176.700
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	154.000
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	205.931
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	252.722
4	Thuế thu nhập cá nhân	118.075
5	Thuế bảo vệ môi trường	59.670
6	Các loại phí, lệ phí	69.100
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>	<i>33.109</i>
7	Các khoản thu về nhà, đất	162.610
	<i>- Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	<i>1</i>
	<i>- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>1.843</i>
	<i>- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>24.726</i>
	<i>- Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>135.000</i>
	<i>- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	<i>1.040</i>
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	34.300
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.620
10	Thu khác ngân sách	22.319
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	955
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước	92.400
II	Thu từ đầu thô	28.200
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	199.000
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	352.000
	<i>- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>259.479</i>
	<i>- Thuế xuất khẩu</i>	<i>7.200</i>
	<i>- Thuế nhập khẩu</i>	<i>56.900</i>
	<i>- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>27.200</i>
	<i>- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>1.170</i>
	<i>- Thu khác</i>	<i>51</i>
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng	-153.000
IV	Thu viện trợ	7.800

Phụ lục III
CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022
A	B	1
A	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>	
I	Thu NSTW hưởng theo phân cấp	739.132
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác	731.332
2	Thu từ nguồn viện trợ	7.800
II	Tổng chi NSTW	1.087.032
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP)	727.050
2	Chi bổ sung cho NSDP	359.982
	- Chi bổ sung cân đối	245.721
	- Chi bổ sung có mục tiêu	114.261
III	Bội chi NSTW	347.900
B	<u>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	
I	Tổng thu NSDP	1.032.550
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	672.568
2	Thu bổ sung từ NSTW	359.982
	- Thu bổ sung cân đối	245.721
	- Thu bổ sung có mục tiêu	114.261
II	Tổng chi NSDP	1.057.550
1	Chi cân đối NSDP theo phân cấp (không kể bổ sung có mục tiêu từ NSTW)	943.289
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW	114.261
III	Bội chi NSDP (1)	25.000
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSDP	25.182
2	Bội thu của các địa phương có bội thu NSDP	182

Ghi chú:

(1) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSDP.

Phụ lục IV

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội)*

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	NSNN	CHIA RA	
			NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSNN	1.784.600	841.311	943.289
I	Chi đầu tư phát triển	526.106	222.000	304.106
II	Chi dự trữ quốc gia	1.700	1.700	
III	Chi trả nợ lãi	103.700	103.700	
IV	Chi viện trợ	1.800	1.800	
V	Chi thường xuyên	1.111.194	490.611	620.583
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	275.709	26.600	249.109
	- Chi khoa học và công nghệ	12.331	9.136	3.195
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100		100
VII	Dự phòng NSNN	39.000	20.500	18.500
VIII	Chi cải cách tiền lương, tình giảm biên chế	1.000	1.000	